TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** TỈNH NGHỆ AN Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST Ngày 24/4/2025 V/v: "Tranh chấp HNGĐ"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG- TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - chủ toạ phiên toà: Ông Phan Văn Kiên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Quang và ông Trần Văn Hải.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy- Cán bộ Toà án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 24/04/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đô Lương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXX - ST ngày 14 tháng 04 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, S năm 1973

Địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An - Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, S năm 1972

Địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 01 năm 2025 và ý kiến trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phạm Thị D trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ trên tinh thần tự nguyện, có tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau tình cảm. Tuy nhiên đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau, đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không được và mâu thuẫn càng về sau càng trở nên trầm

trọng, vợ chồng sống chung nhà nhưng ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay bà đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn, bà có đến UBND xã H để xin cấp trích lục nhưng UBND xã H cũng đã không còn lưu trữ hồ sơ sổ sách kết hôn. Nay mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy bà Phạm Thị D làm đơn yêu cầu không công nhận bà và ông H phải là vợ chồng.

- Về con chung: Bà D và ông Nguyễn Văn H có 04 người con chung: Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/02/1994, Nguyễn Thị T1, sinh ngày 30/03/2000; Nguyễn Thị O, sinh ngày 01/06/2002; Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 09/03/2014. Nay ly hôn các cháu Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị O đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, còn cháu Nguyễn Thị Khánh L đang còn nhỏ nên nguyện vọng của bà D là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị D không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn H: Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại các phiên hòa giải ông Nguyễn Văn H có ý kiến như sau:

- Về quan hệ tình cảm: Ông Nguyễn Văn H kết hôn với bà Phạm Thị D nhau vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ trên tinh thần tự nguyện, có tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau tình cảm. Tuy nhiên đến khoảng năm 2019 thì vợ chồng càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau, đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không được và mâu thuẫn càng về sau càng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống chung nhà nhưng ly thân. Hiện nay ông làm mất giấy chứng nhận kết hôn, ông cũng đã đến UBND xã H để xin cấp trích lục nhưng UBND xã H cũng đã không còn lưu trữ hồ sơ sổ sách kết hôn. Nay mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy bà Phạm Thị D làm đơn yêu cầu không công nhận bà và ông H phải là vợ chồng thì ông H đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 người con chung là: Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/02/1994, Nguyễn Thị T1, sinh ngày 30/03/2000; Nguyễn Thị O, sinh ngày 01/06/2002; Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 09/03/2014. Nay ly hôn các cháu Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị O đã trưởng thành, đủ 18 tuổi. còn cháu Nguyễn Thị Khánh L đang còn nhỏ nên nguyện vọng của ông H là giao cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản và nợ: Tại đơn yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H ngày 14/02/2025 có yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, sau khi được Tòa án yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn "Phản tố" thì ông H có sửa đổi và nộp cho Tòa án vào ngày 28/02/2025 và Tòa án giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung trong thời hạn 07 ngày, ông H đã nhận. Tuy nhiên hết hạn ông H không nộp tiền tạm ứng án phí và có đề nghị để vợ chồng tự phân chia. Do đó, tài sản chung hiện tại ông H không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tống đạt bảo đảm quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tại Điều 239 và Điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Quá trình điều tra thu thập chứng cứ, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều Điều 28, 35, 39, 147 BLTTDS; Điều 9, 14, 53, Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Về quan hệ tình cảm: Không công nhận bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng và giải quyết hậu quả của việc sống chung với nhau như vợ chồng theo quy định pháp luật. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 09/03/2014 cho bà Phạm Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dương nuôi con chung cho ông Nguyễn Văn H. Về tài sản và khoản nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Phạm Thị D yêu cầu giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại khoản 5 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự do vậy Toà án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp và căn cứ khởi kiện:

[2.1] Về nội dung tranh chấp: Giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ trên tinh thần tự nguyện, có tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau tình cảm, tuy nhiên đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không được và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng chung sống cùng nhà nhưng lại ly thân, cắt đứt về mối quan hệ tình cảm. Hiện nay cả nguyên đơn, bị đơn không còn giữ được giấy Chứng nhận kết hôn, nguyên đơn có đến UBND xã H xin cấp trích lục nhung UBND xã H cũng không còn lưu trữ hồ sơ sổ sách kết hôn. Do đó nguyên đơn, bị đơn tại bản tự khai, các buổi hòa giải và tại phiên tòa đều yêu cầu không công nhận cả hai là vợ chồng để chấm dứt mối quan hệ hôn nhân này. Về con chung thì bà D và ông H thống nhất giao người con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 09/03/2014 cho bà Phạm Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Văn H. Về tài sản chung và các khoản nợ: Hiện tại bà D và ông H tự thỏa thuận giải quyết.

[2.2] Về căn cứ khởi kiện: Tại các biên bản hòa giải, bị đơn thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D. Đồng thời vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn vì có cơ sở.

Xét thấy: Cả bai vợ chồng đều thừa nhận đã không còn tình cảm với nhau, điều đó chứng tỏ vợ chồng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đều mong muốn giải thoát cho nhau. Tại phiên tòa, cả hai đều kiên quyết ly hôn và yêu cầu không công nhận vợ chồng do đăng ký kết hôn đã bị thất lạc và chính quyền địa phương xác nhận không còn sổ sách lưu trữ, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh vào ngày 14/04/2025 và được UBND xã xác nhận hiện không còn lưu trữ sổ sách kết hôn. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được hội đồng xét xứ chấp nhận. Đối với yêu cầu nuôi con chung thì cả hai đều thống nhất để nguyên đơn là bà Phạm Thị D được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, đồng thời tại bản tự khai của cháu

Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 09/03/2014 cũng có nguyện vọng được ở với bà D nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn về việc giao cháu Nguyễn Thị Khánh L cho bà Phạm Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cả hai không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[4] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 09,14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị D. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Văn H.

[2]. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị D được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng người con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 09/03/2014 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Văn H.

Ông Nguyễn Văn H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản và các khoản nợ: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về án phí: Bà Phạm Thị D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn nhưng được tính trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Phạm Thị D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương theo biên lai thu tiền số 0003566 ngày 13/02/2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5].Về quyền kháng cáo bản án: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đô Lương*
- *Chi cục THADS huyện Đô Lương*
- *Các đương sự*
- *TAND tỉnh Nghệ An*
- *UBND xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương*
- *Lưu hồ sơ vụ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Kiên